

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 - 2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thắng và bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn và con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thanh H, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Đội 2, thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trương Xuân H, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Đội 2, thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14 tháng 9 năm 2022, Bản tự khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Trương Xuân H có quá trình tìm hiểu và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường

xuyên cãi vả. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên rượu chè, nghe tác động từ bên ngoài, hay ghen tuông vô cớ, đánh đập, coi thường chị và gia đình chị. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Trương Xuân H.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trương Hải N, sinh ngày 20/01/2016. Nếu vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng

Về phía bị đơn anh Trương Xuân H trình bày: Anh và chị Đoàn Thị Thanh H có quá trình tìm hiểu và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trương Hải N, sinh ngày 20/01/2016. Nếu vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn và bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Đoàn Thị Thanh H và bị đơn anh Trương Xuân H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị Đoàn Thị Thanh H. Đối với anh Trương Xuân H đã được triệu tập hợp lệ hai lần vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Trương Xuân H.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Đoàn Thị

Thanh H được ly hôn anh Trương Xuân H; về con chung: Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung Trương Hải N, sinh ngày 20/01/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đoàn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Trương Xuân H, như vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Trương Xuân H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Đoàn Thị Thanh H và bị đơn anh Trương Xuân H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị Đoàn Thị Thanh H; anh Trương Xuân H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh H

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình và chính quyền địa phương cho phép đăng ký kết hôn vào ngày ngày 25 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại chị H và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia

đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Thanh H, xử cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trương Hải N, sinh ngày 20/01/2016. Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh H có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của chị H, anh H là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, hiện tại con đang ở với chị H và đang còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, hiện nay chị H làm nghề kinh doanh buôn bán, thu nhập ổn định nên có điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao con chung Trương Hải N, sinh ngày 20/01/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh H đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Đoàn Thị Thanh Hằng và anh Trương Xuân Hà

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh H, xử cho chị Đoàn Thị Thanh H ly hôn với anh Trương Xuân H

3. Về con chung: Xử giao con chung Trương Hải N, sinh ngày 20/01/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Đoàn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003470 ngày 19 tháng 10 năm 2022.

6. Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thắng Đoàn Thị Thái

Phan Anh Đức

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hòa Hoàng Công Nghĩa Phan Anh Đức